

Số: ~~171~~ / TB- ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 10 năm 2015

THÔNG BÁO

**V/v kiểm tra đối chiếu danh sách SV được hỗ trợ chi phí học tập
Học kỳ 1 năm học 2015- 2016
Đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung dài hạn**

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ vào thông báo số 146/TB-ĐHKTCN ngày 21/8/2015 về việc nộp hồ sơ để hưởng hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2015- 2016;

Nhà trường lập danh sách sinh viên trong diện được hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2015 – 2016 gửi xuống các lớp sinh viên tự đối chiếu (có danh sách kèm theo trên website phòng công tác HSSV).

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa, Trưởng bộ môn trực thuộc trường, giáo viên chủ nhiệm-Cố vấn học tập triển khai thông báo này tới từng lớp và hướng dẫn cho sinh viên hệ đào tạo chính quy được biết và thực hiện. Nếu có trường hợp nào cần thắc mắc thay đổi, xin phản hồi ngay về phòng Công tác HSSV (Trung tâm tư vấn SV- Phòng 104- Nhà A6).

Thời gian phản hồi chậm nhất đến ngày 20/10/2015, nếu quá thời gian quy định nhà trường không chịu trách nhiệm giải quyết.

Nơi nhận:

- Các Khoa; GV chủ nhiệm các lớp;
- Website trường;
- Lưu: VT; P.CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Xuân Minh

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP****HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015-2016***Kèm theo thông báo số 171 ngày 8 tháng 10 năm 2015*

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã HB	Khoa
1	DTK1151020047	Hứa Đức	Tùng	K47HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
2	DTK1151020177	Nguyễn Trung	Đức	K47HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
3	DTK1151020031	Triệu Văn	Mac	K47HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
4	DTK1151020089	Lục Thị	Mai	K47TĐH.03	CNGHEODT	Điện
5	DTK1151020206	Lương Văn	Tài	K47TĐH.03	CNGHEODT	Điện
6	DTK1151020166	Nguyễn Anh	Tuấn	K47TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
7	DTK1151020229	Nguyễn Duyên	Vũ	K47TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
8	K125520201033	Ngô Văn	Manh	K48HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
9	K125520201071	Vi Văn	Đạt	K48HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
10	K125520201064	Nguyễn Thị	Tuyến	K48HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
11	K125520201150	Nguyễn Phúc	Thiêm	K48KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
12	K125520201040	Phổng Chàn	Phin	K48KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
13	K125520201200	Hoàng Văn	Nam	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
14	K125520216100	Mai Hồng	Phuong	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
15	K125520216115	Lê Xuân	Bình	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
16	K125520216199	Triệu Đình	Thắng	K48TĐH.02	CNGHEODT	Điện
17	K125520216219	Liều Văn	Bảo	K48TĐH.02	CNGHEODT	Điện
18	K125520216005	Ma Đình	Đưa	K48TĐH.03	HNGHEODT	Điện
19	K125520201263	Lường Văn	Huy	K48TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
20	K125520201277	Đinh Văn	Phong	K48TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
21	K125520201012	Hoàng Văn	Cạnh	K48TBĐ.01	HNGHEODT	Điện
22	K125520201042	Bùi Hồng	Sơn	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
23	K135520201094	Lư Huy	Hoàng	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
24	K135520201199	Thào A	Cở	K49HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
25	K125520201023	Dương Văn	Hoàng	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
26	K135520201004	Hoàng Văn	Cương	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
27	K135520201058	Lý Mạnh	Tiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
28	K135520201060	Hồ Thị	Trang	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
29	K135520201064	Hoàng Thanh	Vinh	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
30	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
31	K135520201091	Hoàng Mạnh	Hung	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
32	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
33	K135520201173	Chu Văn	Sơn	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
34	K135520201189	Đào Minh	Tuấn	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện

35	K135520201205	Nguyễn Văn	Đoạt	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
36	K135520201099	Triệu Thị	Nga	K49KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
37	K135520201180	Đỗ Thị	Thanh	K49KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
38	K135520201182	Nông Thị	Thoa	K49KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
39	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	K49KTĐ.03	CNGHEODT	Điện
40	K135520216022	Đàm Thành	Hoàng	K49TĐH.01	CNGHEODT	Điện
41	K135520216037	Hoàng Văn	Nhi	K49TĐH.01	CNGHEODT	Điện
42	K135520216032	Lục Thị	Lanh	K49TĐH.01	HNGHEODT	Điện
43	K135520216077	Ngô Văn	Hiếu	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
44	K135520216095	Lý Văn	Ngân	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
45	K135520216114	Nguyễn Xuân	Tuân	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
46	K135520216119	Trần Thị	Tuyên	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
47	K135520216086	Lộc Thị Mỹ	Linh	K49TĐH.02	HNGHEODT	Điện
48	K135520216156	Nguyễn Văn	Manh	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
49	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
50	K135520216171	La Thị	Thủy	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
51	K135520216175	Lưu Đình	Tuất	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
52	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	K49TĐH.03	HNGHEODT	Điện
53	K135520216249	Trần Văn	Phi	K49TĐH.04	CNGHEODT	Điện
54	K125520201014	Lăng Văn	Chỉ	K49TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
55	K145520201154	Hoàng Văn	Thắng	K50HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
56	K145520201182	Vũ Văn	Giang	K50HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
57	K145520201233	Lý Thị	Thái	K50HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
58	K145520201004	Hoàng Văn	Điệp	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
59	K145520201006	Lý Trung	Đức	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
60	K145520201011	Lý Văn	Cương	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
61	K145520201019	Ngô Thị Linh	Hương	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
62	K145520201193	Chu Thanh	Hưng	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
63	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
64	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	K50KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
65	K145520201124	Nguyễn Đức	Manh	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
66	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
67	K145520201234	Hoàng Công	Thành	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
68	K145520201244	Lâm Thu	Vượng	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
69	K145520201115	Phùng Văn	Huỳnh	K50KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
70	K145520201132	Nguy Văn	Phương	K50KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
71	K145520216011	Lê Văn	Chung	K50TĐH.01	CNGHEODT	Điện
72	K145520216121	Nguyễn Văn	Tuân	K50TĐH.02	CNGHEODT	Điện
73	K145520216130	Tàng Văn	Thịnh	K50TĐH.02	CNGHEODT	Điện

74	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	K51ĐĐT.02	CNGHEODT	Điện
75	K155520201083	Hoàng Thị	Huê	K51ĐĐT.02	CNGHEODT	Điện
76	K155520201221	Trần Thị	Quế	K51ĐĐT.04	CNGHEODT	Điện
77	K155520201225	Đào Duy	Thanh	K51ĐĐT.04	CNGHEODT	Điện
78	K155520216071	Chu Thị	ánh	K51ĐKT.02	CNGHEODT	Điện
79	K155520216086	Ma Quang	Hà	K51ĐKT.02	CNGHEODT	Điện
80	K155520216139	La Văn	Chương	K51ĐKT.03	HNGHEODT	Điện
81	K155520216273	Lường Thị	Định	K51ĐKT.05	CNGHEODT	Điện
82	K155520216299	Nông Văn	Tiến	K51ĐKT.05	CNGHEODT	Điện
83	K155520207081	Hoàng Văn	Hùng	K51ĐTT.02	CNGHEODT	Điện
84	DTK1151030032	Hoàng Thị	Linh	K47ĐĐK.01	CNGHEODT	Điện tử
85	DTK1151030061	Khúc Xuân	Đồng	K47ĐĐK.01	CNGHEODT	Điện tử
86	DTK1151030118	Hoàng Thị	Diệp	K47ĐĐK.01	CNGHEODT	Điện tử
87	DTK1151030027	Đàm Văn	Hung	K47ĐĐK.01	HNGHEODT	Điện tử
88	DTK1151030142	Trần Văn	Mười	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
89	DTK1151030205	Hoàng Trung	Nghĩa	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
90	DTK1151030210	Nguyễn Văn	Sáng	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
91	DTK1151030214	Lý Thị	Thanh	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
92	DTK1151030192	Lù Văn	Hùng	K47ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
93	DTK1151010423	Hoàng Văn	Tiếp	K47CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
94	DTK1151030008	Ma Khánh	Cương	K47KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
95	DTK1151030025	Lành Văn	Hiếu	K47KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
96	DTK1151030060	Hứa Tiến	Đạt	K47KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
97	DTK1151030122	Ninh Văn	Chung	K47KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
98	DTK1151030165	Chu Thị Hải	Truyền	K47KĐT.02	CNGHEODT	Điện tử
99	DTK1151030315	Ngô Thị	Xuân	K47KĐT.02	CNGHEODT	Điện tử
100	DTK1151030166	Trịnh Thanh	Tuấn	K47KĐT.02	HNGHEODT	Điện tử
101	DTK1151030004	Phương Văn	Anh	K47KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
102	K125520216141	Hoàng Văn	Mùi	K48ĐĐK.01	HNGHEODT	Điện tử
103	DTK1151030144	Hoàng Văn	Nam	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
104	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
105	K125520207066	Lâm Văn	Hoàn	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
106	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	K48ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
107	K125520207048	Dương Văn	Bảo	K48ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
108	K125520114028	Nông Văn	Long	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
109	K125520114032	Nguyễn Thị	Niên	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
110	K125520114033	Lăng Văn	Nuôi	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
111	K125520114039	Nông Văn	Thiếp	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
112	K125520114049	Trình Anh	Tuấn	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử

113	K125520114007	Sầm Văn	Công	K48CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
114	K125520114063	Triệu Xuân	Anh	K48CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
115	K125520207016	Vi Thị	Huê	K48KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
116	K125520207001	Lâm Việt	Đai	K48KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
117	DTK1151030012	Mỗ Văn	Dâu	K48KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
118	DTK1151030090	Nông Văn	Lâm	K48KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
119	K135520207007	Nguyễn Đình	Đam	K49ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
120	K135520207009	Trần Văn	Giang	K49ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
121	K125520207122	Sùng Thị	Xú	K49ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
122	K135520207039	Hoàng Thị	Sao	K49ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
123	K135520207060	Hoàng Ngọc	Hà	K49ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
124	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyên	K49CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
125	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	K49CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
126	K135520114042	Từ Văn	Sáng	K49CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
127	K125520207116	Hoàng Thanh	Son	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
128	K135520207019	Vi Thị	Hội	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
129	K135520207077	Phùng Thị	Miên	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
130	K135520207084	Lý Văn	Thái	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
131	K135520207090	Nông Văn	Thọ	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
132	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
133	K135520207069	Lục Thị	Hiền	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
134	K135520207073	Bế Thị	Khuyên	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
135	K135520207002	Hoàng Văn	Cường	K49KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
136	K135520214010	Ma Khánh	Thành	K49KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
137	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	K49KMT.01	HNGHEODT	Điện tử
138	K145520207151	Chu Thanh	Hiền	K50ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
139	K145520207106	Lường Thị	Yến	K50ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
140	K145520114061	Lâm Hồng	Thuyền	K50CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
141	K145520207045	Diệp Đình	Thật	K50KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
142	K145520207088	Lý Văn	Tùng	K50KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
143	K145520207078	Trần Văn	Lý	K50KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
144	K145520214016	Đỗ Như	Bính	K50KMT.01	HNGHEODT	Điện tử
145	K155520114041	Mông Văn	Quang	K51CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
146	DTK1151010322	Đỗ Tiến	Việt	K47CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
147	DTK1151010304	Vi Văn	Pháo	K47CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
148	DTK1151010318	La Văn	Tuyến	K47CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
149	DTK1151010042	Luân Văn	Thảo	K47CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
150	DTK1151010180	Bế Văn	Hợp	K47CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
151	DTK1151010376	Nguyễn Anh	Tuấn	K47CCM.03	HNGHEODT	Cơ khí

152	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toản	K47CCM.03	HNGHEODT	Cơ khí
153	DTK1151010015	Nguyễn Văn	Giang	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
154	DTK1151010268	Bùi Văn	Vấn	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
155	DTK1151010375	Phan Văn	Tuấn	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
156	DTK1151010480	Lâm Văn	Tiến	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
157	DTK1151010511	Ân Văn	Quân	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
158	DTK1151010417	Đàm Duy	Tĩnh	K47CCM.04	HNGHEODT	Cơ khí
159	DTK1151010696	Đinh Văn	Thiết	K47CCM.05	CNGHEODT	Cơ khí
160	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	K47KCK.01	CNGHEODT	Cơ khí
161	DTK1151010682	Phạm Văn	Nam	K47KCK.01	HNGHEODT	Cơ khí
162	K125520103216	Phạm Văn	Thọ	K48CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
163	K125520103229	Lưu Văn	Vũ	K48CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
164	K125520103181	Triệu Tiến	Dũng	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
165	K125520103236	Lương Văn	Độ	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
166	K125520103303	Hoàng Văn	Quyết	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
167	DTK1151010094	Ma Quốc	Thống	K48CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
168	K125520103401	Lục Văn	Tùng	K48CCM.02	HNGHEODT	Cơ khí
169	DTK1151010245	Lý Trọng	Nguyên	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
170	K125520103121	Nguyễn Văn	Cường	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
171	K125520103366	Liễu Văn	Lộc	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
172	K125520103172	Hoàng Văn	Vũ	K48KCK.01	CNGHEODT	Cơ khí
173	K125520103207	Hoàng Văn	Nhớ	K48KCK.01	HNGHEODT	Cơ khí
174	K135520103036	Lò Văn	Mai	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
175	K135520103038	Phó Chí	Minh	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
176	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
177	K135520103054	Dương Văn	Thắng	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
178	K135520103082	Lê Văn	Duy	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
179	K135520103093	Triệu Văn	Hưng	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
180	K135520103105	La Văn	Khang	K49CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
181	K135520103187	Lâm Văn	Lục	K49CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
182	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
183	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
184	K135520103219	Ma Công	Vương	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
185	K135520103264	Nông Văn	Phương	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
186	K135520103268	Phan Văn	Tạ	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
187	K135520103368	Đinh Văn	Đạt	K49CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
188	K135520103003	Lại Văn	Bảo	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
189	K135520103015	Ninh Văn	Giang	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
190	K135520103046	Hoàng Liên	Sơn	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí

191	K135520103113	Nông Văn	Năng	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
192	K135520103152	Hứa Văn	Ba	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
193	K135520103229	Nguyễn Thanh	Duy	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
194	K135520103251	Hoàng Bảo	Khanh	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
195	K135520103254	Ma Tiến	Linh	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
196	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
197	K145520309016	Ninh Văn	Bính	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
198	K145520309022	Lâm Văn	Duy	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
199	K145520309032	Hoàng Văn	Ly	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
200	K145520309040	Triệu Văn	Bính	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
201	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
202	K145520103037	Lâm Văn	Mai	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
203	K145520103050	Nguyễn Thanh	Sơn	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
204	K145520103061	Lục Văn	Tuấn	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
205	K145520103101	Hoàng Văn	Hòa	K50KC.02	HNGHEODT	Cơ khí
206	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	K50KC.04	CNGHEODT	Cơ khí
207	K145520103288	Lưu Văn	Tuấn	K50KC.04	CNGHEODT	Cơ khí
208	K145520103303	Đinh Quốc	Việt	K50KC.04	CNGHEODT	Cơ khí
209	K145520103375	Vì Văn	Tăng	K50KC.05	HNGHEODT	Cơ khí
210	K155520103199	Triệu Văn	Thục	K51KC.03	HNGHEODT	Cơ khí
211	K155520103310	Nông Thị	Tâm	K51KC.05	HNGHEODT	Cơ khí
212	K125510604050	La Kim	Oanh	K48KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
213	K125510604026	Nguyễn Thị Nhã	Phương	K48KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
214	K125510604027	Phạm Thị	Quyên	K48KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
215	K125510601012	Đàm Thị	Huế	K48QLC.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
216	K125510601051	Hoàng Kim	Tứ	K48QLC.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
217	K135510604008	Phạm Thị	Hằng	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
218	K135510604022	Lý Thu	Huyền	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
219	K135510604045	Nguyễn Thị Tố	Uyên	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
220	K135510604075	Vi Thị	Linh	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
221	K135510604015	Hoàng Thị	Hiên	K49QTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
222	K135510604089	Lăng Thu	Thảo	K49QTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
223	K145510604031	Nguyễn Thị Trà	My	K50KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
224	K145510604044	Bùi Thị Thanh	Thúy	K50KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
225	K155510604011	Phùng Văn	Hoàng	K51KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
226	K155510601004	Triệu Thị	Quyên	K51QLC.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
227	DTK1151010098	Hồ Văn	Tùng	K1 CN-KTO.01 (K49)	CNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
228	K125520103094	Đặng Anh	Quân	K1 CN-KTO.01 (K49)	CNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
229	DTK1151010145	Triệu Phúc	Quang	K1 CN-KTO.01 (K49)	HNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực

230	K145510205017	Toàn Việt	Chung	K2 CN-KTO.01 (K50)	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
231	K145510205018	Nguyễn Thành	Chung	K2 CN-KTO.01 (K50)	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
232	K145510205070	Lương Văn	Chiến	K2 CN-KTO.01 (K50)	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
233	K145510205031	Sầm Văn	Lương	K2 CN-KTO.01 (K50)	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
234	K145510205040	Liều Văn	Nguyên	K2 CN-KTO.01 (K50)	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
235	K145510205079	Lương Trung	Hoàng	K2 CN-KTO.01 (K50)	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
236	DTK1151010421	Nông Đức	Thiên	K47CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
237	DTK1151010600	Bùi Văn	An	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
238	K125520103162	Vì Văn	Thịnh	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
239	K125520103198	Phạm Quang	Huy	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
240	K125520103203	Lương Văn	Mai	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
241	K125520103277	Vì Văn	Hiếu	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
242	DTK1151010258	Hoàng Văn	Thuận	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
243	K125520103013	Bàng Trung	Đức	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
244	K125520103030	Lưu Tiến	Manh	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
245	K125520103211	Hà Minh	Son	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
246	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	K49CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
247	K125520103337	Tống Văn	Đông	K49CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
248	K135520103267	Hoàng Ngọc	Son	K49CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
249	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	K50CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
250	K145520103209	Lý Văn	Tú	K50CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
251	K145520103272	Viên Văn	Nhuong	K50CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
252	K155510205007	Nông Mạnh	Cường	K51CN- KTO.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
253	DTK1151020043	Hoàng Văn	Thịnh	K47AP.I	CNGHEODT	Quốc tế
254	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	K48AP.I	CNGHEODT	Quốc tế
255	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	K50AP.M	CNGHEODT	Quốc tế
256	DTK1151030159	Hứa Trường	Thọ	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
257	DTK1151020318	Triệu Đại	Nghĩa	K1 CN-ĐĐT.03 (K49)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
258	DTK1151030106	Bùi Văn	Thoại	K1 CN-ĐĐT.03 (K49)	HNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
259	DTK1151010168	Bùi Văn	Anh	K1 CN-CTM.01 (K49)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
260	K145510301017	Lương Văn	Tuấn	K2 CN-ĐĐT.01 (K50)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
261	K145510301048	Lê Văn	Việt	K2 CN-ĐĐT.01 (K50)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
262	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
263	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
264	K145510301095	Trần Văn	Huynh	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
265	DTK1151040001	Lê Ngọc	ánh	K47KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
266	DTK1151040006	Lê Chí	Cương	K47KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
267	DTK1151040012	Phan Văn	Dũng	K47KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
268	11411110401	Nguyễn Văn	Soái	K47KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT

269	DTK1151040036	Nông Trung	Minh	K47KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
270	DTK1151040089	Hoàng Văn	Hiếu	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
271	DTK1151040098	Quân Thanh	Minh	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
272	DTK1151040099	Triệu Văn	Ngân	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
273	DTK1151040112	Hoàng Văn	Thoan	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
274	DTK1151040114	Bùi Văn	Tiêu	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
275	DTK1151040117	Lương Thanh	Tiến	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
276	DTK1151040133	Dương Thế	Duy	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
277	DTK1151040148	Phùng Ngọc	Luân	K47KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
278	K125520320029	Nguyễn Tô	Hoàng	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
279	K125520320042	Trương Văn	Quản	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
280	K125520320060	Lương Minh	Trang	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
281	K125520320064	Đinh Thị	Yến	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
282	K125520320070	Hoàng Minh	Chiến	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
283	K125520320055	Nguyễn Thiên	Thu	K48KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
284	K125580201032	Quách Hoàng	Long	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
285	K125580201040	Nông Khánh	Phát	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
286	K125580201056	Dương Văn	Thiện	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
287	K125580201067	Từ Xuân	Trường	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
288	K125580201081	Nguyễn Văn	Dũng	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
289	K125580201106	Ma Quốc	Hưng	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
290	K125580201008	Triệu Xuân	Dũng	K48KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
291	DTK1151040072	Tần Văn	Dũng	K48KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
292	K125580201167	Dương Văn	Hà	K48KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
293	DTK1151040129	Nguyễn Mạnh	Cường	K48KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
294	K125580205033	Hứa Quang	Thảo	K48KXG.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
295	K125580205012	Bàn Hữu	Quốc	K48KXG.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
296	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	K49KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
297	K135520320056	Trần Ngọc	Son	K49KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
298	K135520320024	Ma Văn	Hội	K49KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
299	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	K49KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
300	K135580201011	Nguyễn Đình	Đắc	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
301	K135580201023	Nguyễn Văn	Huy	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
302	K135580201037	Lô Văn	Tâm	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
303	K135580201043	Sinh A	Trống	K49KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
304	K135580201063	Hoàng Thanh	Duy	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
305	K135580201065	Triệu Đình	Đề	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
306	K135580201074	Bàn Văn	Hiển	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
307	K135580201081	Phạm Đức	Luân	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT

308	K135580201098	Ma Văn	Tuân	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
309	K135580201160	Đào Thị	Thư	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
310	K135580201053	Ma Đức	Anh	K49KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
311	K145520320006	Lường Thị	Anh	K50KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
312	K145520320105	Trần Thị	Nhàn	K50KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
313	K145905218001	Ma Công	An	K50KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT

Ấn định: 313 sinh viên.